

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Điệp

2. Ông Nguyễn Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thanh Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. – Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Thạch G, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Thanh Q trình bày: Anh và chị Thạch G kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2013. Quá trình chung sống rất hạnh phúc đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn thường xuyên, vợ thường xuyên bỏ nhà đi sau đó quay trở về, cứ lập đi lập lại nhiều lần, vợ chồng đã nhiều

lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Nay, anh xác định không còn tình cảm nên làm đơn xin được ly hôn với chị Thạch G.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Phương Nghi (nữ), sinh ngày 29/9/2013, Trần Thị Phương Anh (nữ), sinh ngày 02/6/2017 và Trần Thanh Đại (nam), sinh ngày 12/02/2020. Hiện 03 con chung đang sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh Q yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị Gấm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án chị Thạch G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân anh Q và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chúng sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân từ năm 2021, anh Q yêu cầu ly hôn với chị G, chị G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q. Về con chung, anh Q và chị Gấm có 03 con chung là Trần Thị Phương Nghi (nữ), sinh ngày 29/9/2013, Trần Thị Phương Anh (nữ), sinh ngày 02/6/2017 và Trần Thanh Đại (nam), sinh ngày 12/02/2020. Từ khi ly thân đến nay các con chung đang sống chung với anh Q, anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và cháu N cũng có yêu cầu sống với anh Q, nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Q, do anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nên chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q khai không có, chị G chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Thanh Q và chị Thạch G do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh Q nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị G, do chị G vẫn còn đăng ký thường trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa anh Q và chị G được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh Q cho rằng vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh Q và chị G không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi anh Q nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía chị G vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân của anh và chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh Q.

[3.2] Về con chung: Anh Q và chị G có 03 con chung Trần Thị Phương Nghi (nữ), sinh ngày 29/9/2013, Trần Thị Phương Anh (nữ), sinh ngày 02/6/2017 và Trần Thanh Đại (nam), sinh ngày 12/02/2020. Từ khi ly thân đến nay các con chung đang sống chung với anh Q, anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, cháu Nghi có yêu cầu sống chung với anh Q. Xét thấy: Các con chung sống chung với anh Q được anh Q chăm sóc tốt, khỏe mạnh và được đi học đầy đủ. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Q, do anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nên chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị G không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q khai không có, chị G chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết 02 vấn đề này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Trần Thanh Q phải chịu 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Thanh Q được ly hôn với chị Thạch G.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Phương Nghi (nữ), sinh ngày 29/9/2013, Trần Thị Phương Anh (nữ), sinh ngày 02/6/2017 và Trần Thanh Đại (nam), sinh ngày 12/02/2020 cho anh Trần Thanh Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị G không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Trần Thanh Q đã nộp theo biên lai số 0011688 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Anh Q đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND tt Cái Lắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á

